



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000828

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**Mã học phần: **BAA00103**Lớp: **22DCHI**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	19130069	Trần Anh	Kiệt					5	6	năm sáu	
2	19150349	Võ Lê Quang	Huy					6	6	sáu sáu	
3	20110339	Phạm Thị Kiều	Trinh								
4	20120441	Nguyễn Đình	Chiến					6	2	sáu hai	
5	21120028	Nguyễn Phúc	Tân					6	6	sáu sáu	
6	21120060	Nguyễn Long	Giang					5	4	năm bốn	
7	21120442	Trần Đăng	Duy					7	0	bảy không	
8	21120507	Trần Trọng	Nghĩa					7	0	bảy không	
9	21200324	Trần Quang	Nhật					5	4	năm bốn	
10	21280036	Lê Trần Bảo	Ngọc					6	4	sáu bốn	
11	22120003	Lê Nguyễn Thiên	An					7	0	bảy không	
12	22120008	Phạm Thiên	An					7	0	bảy không	
13	22120009	Trương Vĩnh	An					6	6	sáu sáu	
14	22120010	Hoàng Tuấn	Anh					6	6	sáu sáu	
15	22120014	Nguyễn Hoàng	Anh					5	6	năm sáu	
16	22120015	Nguyễn Tấn Duy	Anh					7	0	bảy không	
17	22120026	Phan Minh Gia	Bảo					7	0	bảy không	
18	22120072	Nguyễn Anh	Dũng					6	6	sáu sáu	
19	22120407	Hoàng Ngọc	Tuệ					7	0	bảy không	
20	22120417	Đỗ Thị Ánh	Tuyết					7	6	bảy sáu	
21	22130045	Phan Lam	Giang					7	6	bảy sáu	
22	22130134	Lâm Tâm	Như					7	0	bảy không	
23	22140036	Phạm Cao Tiến	Đạt					6	4	sáu bốn	
24	22140116	Hồ Quang	Minh					7	2	bảy hai	
25	22140118	Võ Trần Nhật	Minh					6	4	sáu bốn	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

Họ, tên:

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

1).....Chữ ký:

1).....Chữ ký:

2).....Chữ ký:

2).....Chữ ký:

2).....Chữ ký:



222232000829



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã học phần: **BAA00103**

Lớp: **22DCH1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
26	22140129	Mai Thị Bích	Ngọc				6	6		Sau sau	
27	22140137	Nguyễn Trọng	Nhân				6	6		Sau sau	
28	22140160	Nguyễn Hoàng Thiên	Phúc				6	0		Sau không	
29	22140179	Nguyễn Duy	Tân				7	2		Bảy hai	
30	22140192	Nguyễn Thị Thanh	Thảo				6	6		Sau sau	
31	22140194	Trần Ngọc	Thảo				7	0		Bảy không	
32	22140195	Phan Tiên	Thêm				7	0		Bảy không	
33	22140199	Phạm Hoài	Thịnh				7	0		Bảy không	
34	22140204	Trần Đỗ Anh	Thư				7	0		Bảy không	
35	22140216	Nguyễn Minh	Tiến				6	6		Sau sau	
36	22140226	Lê Quang	Trung				6	4		Sau bốn	
37	22140228	Lê Quang	Trường				5	6		Năm sáu	
38	22150003	Trần Đoàn Khả	Ân				7	0		Bảy không	
39	22150013	Phạm Ngọc Bảo	Anh				6	6		Sau sau	
40	22150017	Đình Thiên	Bảo				5	6		Năm sáu	
41	22150020	Trần Chí	Bảo				6	0		Sau không	
42	22150025	Ngô Ngọc	Diễm				6	4		Sau bốn	
43	22160001	Nguyễn Ngọc Thiên	Ân				7	0		Bảy không	
44	22160002	Phạm Gia	Hân				7	0		Bảy không	
45	22160003	Nguyễn Phú	Hòa				5	4		Năm bốn	
46	22160004	Nguyễn Minh	Huy				6	4		Sau bốn	
47	22160005	Dương Hoàng	Khang				/	/			
48	22160006	Đào Lê Minh	Khoa				7	0		Bảy không	
49	22160007	Nguyễn Thị Ái	Lành				7	0		Bảy không	
50	22160014	Phan Thị Phương	Thảo				/	/			

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



22232000830

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã học phần: **BAA00103**

Lớp: **22DCHI**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
51	22160015	Nguyễn Trần	Trọng				7	0		baý lkhông	
52	22180001	Dương Văn	An				6	0		mười không	
53	22180009	Hà Thị Nhật	Anh				6	0		mười không	
54	22180014	Nguyễn Ngọc Minh	Anh				6	4		mười bốn	
55	22180021	Lê Trần Bảo	Bảo				6	6		baý sáu	
56	22180023	Nguyễn Thị An	Bình				6	6		mười sáu	
57	22180028	Trần Nguyễn Bảo	Châu				6	0		mười không	
58	22180037	Nguyễn Thị	Diên				7	0		baý lkhông	
59	22180041	Nguyễn Thùy	Dương				6	0		mười không	
60	22180053	Đặng Khánh	Hà				7	0		baý lkhông	
61	22180058	Nguyễn Thu	Hằng				5	6		năm sáu	
62	22180064	Đậu Trung	Hiếu				6	6		mười sáu	
63	22180078	Trương Gia	Hy				7	0		baý lkhông	
64	22180092	Lê Thị Tường	Linh				6	2		mười hai	
65	22180115	Đỗ Thị Kim	Ngân				8	4		tám bốn	
66	22190034	Lê Huỳnh Phúc	Huy				6	4		mười bốn	
67	22190050	Nguyễn Ngọc Bình	Minh				7	0		baý lkhông	
68	22190092	Huỳnh Diệu	Trinh				6	6		chín sáu	
69	22270001	Đỗ Hoàng Gia	Bảo								
70	22270002	Nguyễn Phạm Gia	Bảo								
71	22270003	Tôn Thất Ngọc	Bảo								
72	22270004	Trần Lệ Yến	Chi				7	2		baý hai	
73	22270005	Phạm Đình	Đông								
74	22270007	Võ Huy	Hùng				6	4		mười bốn	
75	22270008	Hoàng Minh	Huy				5	0		năm không	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trường khoa, bộ môn

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232000831

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã học phần: **BAA00103**

Lớp: **22DCHI**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
76	22270009	Nguyễn Ngọc	Huy				6	6		sáu sáu	
77	22270010	Lê Tuấn	Tài				6	0		sáu không	
78	22270011	Nguyễn Trường	Thịnh				6	2		sáu hai	
79	22270012	Nguyễn Trung	Thành				6	6		sáu sáu	
80	22280072	Vũ Ngọc	Phương				8	8		tám tám	
81	22280079	Bùi Phát	Tài				7	0		bảy không	
82	22280082	Phạm Minh	Thái				7	8		bảy tám	
83	22280087	Võ Minh	Thịnh				7	0		bảy không	
84	22280088	Hồ Trần Anh	Thư				6	4		sáu bốn	
85	22280090	Lê Hoàng Uyên	Thư				8	8		tám tám	
86	22280091	Nguyễn Ngọc Thanh	Thư				7	0		bảy không	
87	22280092	Lý Vĩnh	Thuận				6	4		sáu bốn	
88	22280094	Lê Thanh	Thùy				7	6		bảy sáu	
89	22280095	Trần Tấn	Tiến				6	6		sáu sáu	
90	22280097	Mai Thị Hồng	Trình				7	6		bảy sáu	
91	22280098	Nguyễn Đức	Trường				6	6		sáu sáu	
92	22280099	Nguyễn Nhựt	Trường				7	6		bảy sáu	
93											
94											
95											
96											
97											
98											
99											
100											

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:		Họ, tên:	Đàm Anh Tuấn	Họ, tên:	
1).....Chữ ký:		Chữ ký:		Chữ ký:	
2).....Chữ ký:					



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000832

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã học phần: **BAA00103**

Lớp: **22DTV1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	20140445	Nguyễn Thị Tường	Vy	2	<i>Vy</i>	☐		8	5	Tám năm	
2	21120010	Nguyễn Xuân	Hiếu	1	<i>Hiếu</i>	☐		9	0	Chín không	
3	21120344	Nguyễn Trọng	Trí	2	<i>Trí</i>	☐		8	5	Tám năm	
4	21120505	Bùi Thị Thanh	Ngân	1	<i>Thương</i>	☐		8	5	Tám năm	
5	21120543	Nguyễn Đặng	Quốc	2	<i>Quang</i>	☐		8	0	Tám không	
6	21120562	Trần Quốc	Thịnh	1	<i>Th</i>	☐		8	0	Tám không	
7	21130209	Lý Gia	Nghi	2	<i>Già</i>	☐		9	5	Chín năm	
8	21150033	Trần Quang	Dương	1	<i>Quang</i>	☐		6	5	Sáu năm	
9	21150136	Trần Tiến	Ân	1	<i>Trần</i>	☐		7	5	Bảy năm	
10	21180251	Nguyễn An	Thịnh	2	<i>Th</i>	☐		8	5	Tám năm	
11	21180265	Mai Hồng	Anh	2	<i>Mai</i>	☐		8	5	Tám năm	
12	21180268	Lý Thành	Danh	2	<i>Đanh</i>	☐	1	0	0	Mười không	
13	21180277	Lê Thị Thùy	Duyên	2	<i>Thùy</i>	☐		9	5	Chín năm	
14	22120024	Nguyễn Hoàng	Bào	1	<i>Bào</i>	☐		8	5	Tám năm	
15	22120100	Phạm Trần Trung	Hậu	2	<i>H</i>	☐		9	0	Chín không	
16	22120134	Hoàng Tiến	Huy	2	<i>Huy</i>	☐		9	5	Chín năm	
17	22120319	Võ Tuấn	Tài	2	<i>Tài</i>	☐		9	5	Chín năm	
18	22120394	Nguyễn Minh	Trúc	3	<i>Ng</i>	☐	1	0	0	Mười không	
19	22120404	Lê Thanh	Tuấn	2	<i>Tuân</i>	☐		8	5	Tám năm	
20	22140108	Nguyễn Ngọc Gia	Linh	2	<i>L</i>	☐		9	0	Chín không	
21	22140122	Bùi Đặng Kim	Ngân	2	<i>Ngân</i>	☐		9	0	Chín không	
22	22140239	Lưu Quang	Vũ	2	<i>Lưu</i>	☐		9	0	Chín không	
23	22150111	Nguyễn Ngọc	Thơ	2	<i>Thơ</i>	☐		9	0	Chín không	
24	22150123	Trần Diễm	Trinh	2	<i>Trinh</i>	☐		9	5	Chín năm	
25	22150127	Võ Anh	Trúc	1	<i>Trúc</i>	☐		9	0	Chín không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1).....Chữ ký: 2).....Chữ ký:	Họ, tên: <i>Phạm Thị Thanh Lệ</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000833

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã học phần: **BAA00103**

Lớp: **22DTV1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	22150134	Trương Thanh	Tuyền	2	Tuyền			8	5	Tám năm	
27	22150136	Huỳnh Phạm Tú	Uyên	2	Uyên		1	0	0	Mười không	
28	22150140	Lâm Nguyễn Hoàng	Vân	2	Vân			9	0	Chín không	
29	22150142	Nguyễn Thúy	Vy	3	Vy		1	0	0	Mười không	
30	22180040	Nguyễn Lê Minh	Đức		Đức			8	0	Tám không	
31	22190005	Phạm Thùy Vân	Anh	1	Anh			8	5	Tám năm	
32	22190062	Trương Thị Mỹ	Như	2	Như			8	5	Tám năm	
33	22200001	Võ Hữu	Ân		Ân			7	5	Bảy năm	
34	22200004	Phan Quế	Anh								
35	22200005	Võ Phi	Anh	1	Phi			8	5	Tám năm	
36	22200006	Thạch Hoàng Phương	Bắc	1	Bắc			8	5	Tám năm	
37	22200007	Phạm Khoa	Bách	2	Bách			9	0	Chín không	
38	22200009	Đặng Gia	Bảo	2	Bảo			8	0	Tám không	
39	22200010	Hoàng Thái	Bào					5	5	Năm năm	
40	22200011	Hồng Quốc	Bào	2	Quốc			9	0	Chín không	
41	22200012	Lại Quốc	Bào	2	Quốc			9	0	Chín không	
42	22200013	Lê Minh Gia	Bào	2	Minh			9	0	Chín không	
43	22200015	Nguyễn Quốc	Bào								
44	22200016	Nguyễn Quốc	Bào	1	Bào			7	0	Bảy không	
45	22200017	Trần Đình Quốc	Bào		Bào			8	5	Tám năm	
46	22200018	Trần Vũ	Bào	2	Bào			9	0	Chín không	
47	22200019	Lê Phong	Cánh	2	Phong			9	0	Chín không	
48	22200022	Đào Vũ Ngọc	Chính		Chính			8	5	Tám năm	
49	22200023	Nguyễn Trịnh Phi	Chính		Phi			8	0	Tám không	
50	22200024	Nguyễn Công	Cường	1	Cường			8	5	Tám năm	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000834

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã học phần: **BAA00103**

Lớp: **22DTV1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
51	22200025	Đào Minh	Đạt	2	<i>Đạt</i>	☐	8	0		<i>Tạm không</i>	
52	22200026	Lê Thành	Đạt	2	<i>Đạt</i>	☐	8	5		<i>Tạm nam</i>	
53	22200027	Nguyễn Hữu	Đạt	1	<i>Đạt</i>	☐	8	5		<i>Tạm nam</i>	
54	22200028	Nguyễn Tấn	Đạt			☐	5	0		<i>Nam không</i>	
55	22200029	Võ Tấn	Đạt	2	<i>Đạt</i>	☐	9	0		<i>Chín không</i>	
56	22200030	Võ Thành	Đạt			☒					
57	22200031	Trần Văn	Điệp	2	<i>Điệp</i>	☐	9	0		<i>Chín không</i>	
58	22200032	Lê Huỳnh Quang	Đồng			☒					
59	22200033	Bạch Ngọc	Duẩn			☒					
60	22200034	Lê Minh	Đức	2	<i>Đức</i>	☐	9	0		<i>Chín không</i>	
61	22200035	Trần Tài	Đức	1	<i>Đạt</i>	☐	8	0		<i>Tám không</i>	
62	22200036	Vũ Đình	Đức	1	<i>Đạt</i>	☐	9	0		<i>Chín không</i>	
63	22200037	Mai Tiến	Dũng	2	<i>Dũng</i>	☐	9	0		<i>Chín không</i>	
64	22200038	Võ Tá	Dũng	2	<i>Võ Tá</i>	☐	9	0		<i>Chín không</i>	
65	22200040	Hoàng Hà	Duy	2	<i>H2</i>	☐	8	5		<i>Tám nam</i>	
66	22200041	Nguyễn Bảo	Duy	2	<i>Quy</i>	☐	1	0	0	<i>Một không</i>	
67	22200042	Nguyễn Hữu	Duy	2	<i>Duy</i>	☐	9	5		<i>Chín nam</i>	
68	22200043	Nguyễn Khắc	Duy	2	<i>Duy</i>	☐	8	5		<i>Tám nam</i>	
69	22200044	Nguyễn Khánh	Duy	2	<i>Duy</i>	☐	9	0		<i>Chín không</i>	
70	22200045	Nguyễn Thanh	Duy	1	<i>Thanh</i>	☐	8	5		<i>Tám nam</i>	
71	22200046	Nguyễn Trần Quang	Duy	1	<i>Quang</i>	☐	8	0		<i>Tám không</i>	
72	22200047	Đặng Ngọc Trường	Giang			☒					
73	22200048	Trần Lương Minh	Giang		<i>Giang</i>	☐	8	5		<i>Tám nam</i>	
74	22200049	Trương Quang	Giáp	2	<i>Quang</i>	☐	8	0		<i>Tám không</i>	
75	22200050	Bùi Hồng	Hà	2	<i>Hà</i>	☐	9	0		<i>Chín không</i>	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Họ, tên:

Phan Thị Thanh Lý

Chữ ký:

Phan Thị Thanh Lý

Họ, tên:

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000835

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã học phần: **BAA00103**

Lớp: **22DTV1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
76	22200051	Lâm Thanh	Hải		<i>Hải</i>			8	0	Tam thông	
77	22200053	Cao Hoàng Duy	Hân	2	<i>Hân</i>			8	5	Tam nam	
78	22200054	Phạm Ngọc Anh	Hào	2	<i>Hào</i>			8	5	Tam nam	
79	22200055	Nguyễn Đức	Hậu	2	<i>Hậu</i>			9	0	Chín thông	
80	22200056	Nguyễn Duy	Hậu	1	<i>Hậu</i>			9	0	Chín thông	
81	22200057	Lê Bá	Hiển	1	<i>Hiển</i>			9	5	Chín nam	
82	22200058	Nguyễn Lê Thế	Hiệp		<i>Hiệp</i>			8	0	Tam thông	
83	22200059	Lê Trung	Hiếu								
84	22200060	Nguyễn Thanh	Hoài	1	<i>Hoài</i>			8	5	Tam nam	
85	22200061	Lê Bảo Gia	Hoàng		<i>Hoàng</i>			9	0	Chín thông	
86	22200062	Nguyễn Huy	Hoàng	1	<i>Hoàng</i>			8	0	Tam thông	
87	22200063	Phạm Trọng	Hoàng	2	<i>Hoàng</i>		1	0	0	Mười thông	
88	22200064	Lê Hoàng	Huân		<i>Huân</i>			8	0	Tam thông	
89	22200066	Tôn Thất Huy	Hùng	2	<i>Hùng</i>			9	0	Chín thông	
90	22200067	Phạm Vũ Tuấn	Hưng	2	<i>Hưng</i>			9	0	Chín thông	
91	22200068	Trần Nguyễn	Hưng	2	<i>Hưng</i>			9	0	Chín thông	
92	22200070	Hà Gia	Huy		<i>Huy</i>			8	0	Tam thông	
93	22200071	Lê Nhật Gia	Huy	2	<i>Huy</i>			9	0	Chín thông	
94	22200072	Lê Tấn	Huy	2	<i>Huy</i>			9	0	Chín thông	
95	22200073	Nguyễn Đại Minh	Huy	1	<i>Huy</i>			9	0	Chín thông	
96	22200074	Nguyễn Hoàng	Huy	2	<i>Huy</i>			9	0	Chín thông	
97	22200075	Phạm Nguyễn Đan	Huy	2	<i>Huy</i>			9	5	Chín nam	
98	22200076	Trần Hùng Minh	Huy	2	<i>Huy</i>			8	5	Tam nam	
99	22200078	Lê Thế	Khải	2	<i>Khải</i>			8	5	Tam nam	
100	22200079	Phạm Vĩnh	Khang	2	<i>Khang</i>			9	0	Chín thông	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Họ, tên:

Phạm Thị Thanh Ly

Chữ ký:

[Signature]

Họ, tên:

.....

Chữ ký:

.....



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000836

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã học phần: **BAA00103**

Lớp: **22DTV1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
101	22200080	Phạm Xuân	Khang	2	Phạm			8	5	Tam năm	
102	22200081	Huỳnh Nguyễn Vĩnh	Khanh	2	Khanh			8	5	Tam năm	
103	22200082	Thái Bảo	Khanh	1	Khanh			8	5	Tam năm	
104	22200083	Lê Duy	Khánh	2	Khánh			8	5	Tam năm	
105	22200084	Đặng Đình	Khôi	3	Đặng			9	0	Chín tháng	
106	22200087	Nguyễn Thế	Kiệt		Kiệt			7	5	Bảy năm	
107	22200088	Trịnh Hoàng	Kiệt	2	Trịnh			8	5	Tam năm	
108	22200090	Phan Thị Thuý	Kiều		Phan Thị Thuý			9	0	Chín tháng	
109	22200091	Nguyễn Trung	Kỳ	2	Nguyễn			8	0	Tam tháng	
110	22200093	Trần Quang	Lâm								
111	22200095	Phạm Hoàng	Lộc		Phạm			9	0	Chín tháng	
112	22200096	Trần Minh	Lộc								
113	22200097	Đỗ Hoàng	Long		Đỗ			8	5	Tam năm	
114	22200098	Lê Kim	Long	2	Lê			9	0	Chín tháng	
115	22220001	Hồ Quốc	Bình	1	Bình			8	0	Tam tháng	
116	22220006	Phạm Hoàng Minh	Đặng	2	Phạm			8	0	Tam tháng	
117	22220029	Tô Hoàng Phương	Nghi	2	Tô			9	0	Chín tháng	
118	22220037	Tạ Huỳnh	Nhi	1	Tạ			9	0	Chín tháng	
119	22220039	Trần Huy	Nhơn	1	Trần			8	5	Tam năm	
120	22220060	Nguyễn Ngọc Diễm	Thy	1	Nguyễn			8	5	Tam năm	
121	22220067	Vũ Phạm Anh	Tú	1	Vũ			8	5	Tam năm	
122											
123											
124											
125											

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1).....Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Họ, tên:
Phạm Thị Thanh Kỳ
Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232000852

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã học phần: **BAA00103**

Lớp: **22TTH3**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	20120521	Trần Thị Phương	Linh		<i>Linh</i>	☐		9		Chín	
2	21120284	Lê Lâm	Lợi		<i>Lê</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
3	21120355	Nguyễn Anh	Tú		<i>Nguyễn Anh</i>	☐		9		Chín	
4	21120490	Trần Tuấn	Kiệt		<i>Kiệt</i>	☐		8		Tám	
5	21120511	Lê	Nguyễn		<i>Lê</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
6	22110177	Phạm Đăng	Quang		<i>Quang</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
7	22110178	Trần Anh	Quốc		<i>Trần Anh</i>	☐		9		Chín	
8	22110179	Nguyễn Minh	Quý		<i>Nguyễn Minh</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
9	22110181	Phan Công Đức	Quý		<i>Phan Công Đức</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
10	22110182	Bùi Huỳnh Xuân	Quỳnh		<i>Bùi Huỳnh Xuân</i>	☐		10		Mười	
11	22110183	Lê Nguyễn Tuấn	Quỳnh		<i>Lê Nguyễn Tuấn</i>	☐		10		Mười	
12	22110184	Ngô Thúy	Quỳnh		<i>Ngô Thúy</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
13	22110185	Nguyễn Hà Thu	Quỳnh		<i>Nguyễn Hà Thu</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
14	22110186	Trần Thị Tú	Quỳnh		<i>Trần Thị Tú</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
15	22110187	Nguyễn Bách	Sơn		<i>Nguyễn Bách</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
16	22110188	Phan Trí	Sơn		<i>Phan Trí</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
17	22110189	Trần Minh	Sơn			☐					
18	22110190	Nguyễn Quốc	Tài		<i>Nguyễn Quốc</i>	☐		9		Chín	
19	22110191	Nguyễn Thành	Tài		<i>Nguyễn Thành</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
20	22110192	Nguyễn Thế Anh	Tài		<i>Nguyễn Thế Anh</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
21	22110193	Nguyễn Thị Phương	Tâm		<i>Nguyễn Thị Phương</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
22	22110194	Nguyễn Văn Duy	Tâm		<i>Nguyễn Văn Duy</i>	☐		9		Chín	
23	22110196	Lê Nguyễn Thanh	Tân		<i>Lê Nguyễn Thanh</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
24	22110197	Nguyễn Huỳnh Đức	Tân		<i>Nguyễn Huỳnh Đức</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
25	22110199	Trần Trí	Tân		<i>Trần Trí</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) *Nguyễn Quốc Cường* Chữ ký: *Nguyễn Quốc Cường*
2) Chữ ký:

Họ, tên:
Nguyễn Đình Quốc Cường
Chữ ký: *Nguyễn Đình Quốc Cường*

Họ, tên:
.....
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000853

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**Mã học phần: **BAA00103**Lớp: **22TTH3**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
26	22110200	Dương Thị	Thắm		<i>Tham</i>			8	5	Tám rưỡi	
27	22110201	Lê Phú	Thắng		<i>Thống</i>			9	5	Chín rưỡi	
28	22110203	Lê Thị Cẩm	Thanh		<i>Tham</i>			9		Chín	
29	22110204	Nguyễn Thiện	Thanh		<i>Tham</i>			9		Chín	
30	22110205	Nguyễn Công	Thành		<i>Tham</i>			8	5	Tám rưỡi	
31	22110206	Điêu Thùy Thanh	Thảo		<i>Thao</i>			9		Chín	
32	22110207	Trần Phương	Thảo		<i>Thao</i>			8	5	Tám rưỡi	
33	22110208	Nguyễn Ngọc	Thiện		<i>Tham</i>			8	5	Tám rưỡi	
34	22110209	Trần Phúc	Thiện		<i>Tham</i>			8	5	Tám rưỡi	
35	22110210	Võ Xuân	Thiện		<i>Tham</i>			8	5	Tám rưỡi	
36	22110211	Hồ Phú	Thịnh		<i>Tham</i>			8	5	Tám rưỡi	
37	22110212	Nguyễn Quang	Thịnh		<i>Tham</i>			8	5	Tám rưỡi	
38	22110214	Trần Hoàng	Thông		<i>Tham</i>			8	5	Tám rưỡi	
39	22110215	Phạm Thị Anh	Thư		<i>Tham</i>			8	5	Tám rưỡi	
40	22110216	Cao Minh	Thuận		<i>Tham</i>			8		Tám	
41	22110217	Huỳnh Minh	Thuận		<i>Tham</i>			9		Chín	
42	22110218	Trương Minh	Thuật		<i>Tham</i>			9		Chín	
43	22110219	Nguyễn Tiến	Thức		<i>Tham</i>			9		Chín	
44	22110220	Lê Thị Thanh	Thương		<i>Tham</i>			8	5	Tám rưỡi	
45	22110221	Bùi Phương	Thùy	9	<i>Tham</i>			8	5	Tám rưỡi	
46	22110223	Phạm Thị Cẩm	Tiên		<i>Tham</i>			8	5	Tám rưỡi	
47	22110224	Hồ Minh	Tiên		<i>Tham</i>			10		Mười	
48	22110225	Nguyễn Đình	Tiến		<i>Tham</i>			8		Tám	
49	22110226	Nguyễn Xuân	Tiến		<i>Tham</i>			8	5	Tám rưỡi	
50	22110227	Nguyễn Chánh	Tín								

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: *Nguyễn Đình Quốc Cường*
1) *Nguyễn Đình Quốc Cường* Chữ ký: *[Chữ ký]*
2) Chữ ký:

Họ, tên: *Nguyễn Đình Quốc Cường*
Chữ ký: *[Chữ ký]*

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000854

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã học phần: **BAA00103**

Lớp: **22TTH3**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	22110230	Châu Thị Tuyết	Trâm		<i>Tram</i>	☐		9		Chín	
52	22110231	Dương Hoàng Ngọc	Trâm		<i>Tram</i>	☐		7		Bảy	
53	22110232	Nguyễn Thị Huyền	Trần		<i>Tran</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
54	22110233	Trần Hà	Trang		<i>Tran</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
55	22110234	Vương Mỹ	Trang		<i>Trang</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
56	22110235	Nguyễn Minh	Trí		<i>Trí</i>	☐		9		Chín	
57	22110236	Nguyễn Phạm Anh	Trí		<i>Trí</i>	☐		9		Chín	
58	22110237	Võ Phát	Triển		<i>Trien</i>	☐		9		Chín	
59	22110239	Lê Minh	Trọng		<i>Tru</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
60	22110240	Trần Thị Thanh	Trúc		<i>Truc</i>	☐		9		Chín	
61	22110241	Trần Minh	Trực		<i>Tru</i>	☐		10		Mười	
62	22110242	Lê Thành	Trung			☐					
63	22110243	Mã Thành	Trung		<i>Tru</i>	☐		9		Chín	
64	22110244	Đỗ Nguyễn Quang	Trường		<i>Tru</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
65	22110246	Nguyễn Minh	Trường		<i>Truong</i>	☐		8		Tám	
66	22110247	Nguyễn Văn	Trường		<i>Tru</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
67	22110248	Trần Xuân	Trường		<i>Tru</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
68	22110249	Lương Công	Tú		<i>Tu</i>	☐		10		Mười	
69	22110250	Đỗ Công	Tuấn		<i>Tu</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
70	22110251	Nguyễn Huỳnh Anh	Tuấn		<i>Tu</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
71	22110252	Võ Mạnh	Tuấn			☐					
72	22110253	Phạm Thanh	Tùng		<i>Tu</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
73	22110254	Dương Thị Ngọc	Tuyền		<i>Tu</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
74	22110255	Hà Thị Thanh	Vân		<i>Ha</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
75	22110256	Lê Huỳnh Hải	Vân		<i>Ha</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: *Nguyễn Đình Quốc Cường*
1) Chữ ký: *Nguyễn Đình Quốc Cường*
2) Chữ ký:

Họ, tên: *Nguyễn Đình Quốc Cường*
Chữ ký: *Nguyễn Đình Quốc Cường*

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232000855

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã học phần: **BAA00103**

Lớp: **22TTH3**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
76	22110257	Nguyễn Ngọc Thảo	Vân		<i>Thảo</i>	☐		8	5	<i>phần chữ</i>	
77	22110258	Trần Khải	Vân		<i>Vân</i>	☐		8	5	<i>phần chữ</i>	
78	22110259	Lê Đại	Việt		<i>Việt</i>	☐		8	5	<i>phần chữ</i>	
79	22110260	Trần Chí Hoàng	Việt		<i>Việt</i>	☐		8	5	<i>phần chữ</i>	
80	22110261	Nguyễn Lương Thế	Vinh			☐					
81	22110262	Nguyễn Thế	Vinh		<i>Vinh</i>	☐		8		<i>phần</i>	
82	22110263	Trần Lê Hữu	Vinh		<i>Hữu</i>	☐		8	5	<i>phần chữ</i>	
83	22110264	Nguyễn Văn Anh	Vũ		<i>Anh</i>	☐		8	5	<i>phần chữ</i>	
84	22110265	Huỳnh Ngọc Tường	Vy		<i>Vy</i>	☐		8	5	<i>phần chữ</i>	
85	22110266	Lê Tường	Vy		<i>Tường</i>	☐		10		<i>phần</i>	<i>phần</i>
86	22120037	Nguyễn Văn	Chiến		<i>Chiến</i>	☐		8	5	<i>phần chữ</i>	
87	22120197	Nguyễn Vĩnh	Lương		<i>Vĩnh</i>	☐		8		<i>phần</i>	
88	22120241	Võ Hoàng	Nguyễn		<i>Hoàng</i>	☐		8	5	<i>phần chữ</i>	
89	22120252	Giang Đức	Nhật		<i>Đức</i>	☐		7	5	<i>phần chữ</i>	
90	22120286	Lê Võ Minh	Phương		<i>Minh</i>	☐		10		<i>phần</i>	
91	22120330	Nguyễn Thanh	Thái		<i>Thanh</i>	☐		9	5	<i>phần chữ</i>	
92	22120360	Lê Phúc	Thuận		<i>Thuận</i>	☐		9		<i>phần</i>	
93	22120403	Đỗ Văn	Tư		<i>Đỗ</i>	☐		8	5	<i>phần chữ</i>	
94	22120410	Dương Hữu	Tường		<i>Hữu</i>	☐		8	5	<i>phần chữ</i>	
95	22120412	Nguyễn Anh	Tường		<i>Anh</i>	☐		8	5	<i>phần chữ</i>	
96	22120414	Nguyễn Vĩnh	Tường		<i>Vĩnh</i>	☐		6		<i>phần</i>	
97	22140006	Bùi Ngọc Trúc	Anh	1	<i>Trúc</i>	☐		8	5	<i>phần chữ</i>	
98	22140142	Phan Thị Yến	Nhi	1	<i>Yến</i>	☐		8		<i>phần</i>	
99	22140170	Dương Thị Như	Quỳnh	1	<i>Quỳnh</i>	☐		8	5	<i>phần chữ</i>	
100	22140245	Đặng Hồng	Yến		<i>Hồng</i>	☐		9		<i>phần</i>	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: *Nguyễn Thị Ngọc Bích*
1) *Nguyễn Thị Ngọc Bích* Chữ ký: *Nguyễn Thị Ngọc Bích*
2) Chữ ký:

Họ, tên: *Nguyễn Thị Ngọc Bích*
Chữ ký: *Nguyễn Thị Ngọc Bích*

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232000856

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã học phần: **BAA00103**

Lớp: **22TTH3**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
101	22180004	Trương Thái Nhã	An	1				9		Chín	
102	22180005	Lê Ngọc Phương	Ân	1				8	5	Tám rưỡi	
103	22180017	Trần Ngọc	Anh	1				8		Tám	
104	22180162	Phan Ngọc Trúc	Quân	1				8		Tám	
105	22180165	Trương Ngọc	Quý	1				8	5	Tám rưỡi	
106	22180170	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	1				8	5	Tám rưỡi	
107	22180179	Trương Phước	Tâm	1				8	5	Tám rưỡi	
108	22180182	Lê Minh	Thắng	1				9		Chín	
109	22180190	Phạm Thị Thu	Thảo	1				8	5	Tám rưỡi	
110	22180196	Nguyễn Minh	Thuận	1				8	5	Tám rưỡi	
111	22190045	Nguyễn Yến	Linh	1				8	5	Tám rưỡi	
112	22190059	Phạm Gia	Nguyễn	1				8	5	Tám rưỡi	
113	22220004	Phan Hồng	Châu	1				9		Chín	
114	22220005	Quách Thành	Công	1				8		Tám	
115	22220012	Võ Hoàng	Duy	1				8	5	Tám rưỡi	
116	22220035	Hồ Như	Nhất	1				8	5	Tám rưỡi	
117	22220041	Nguyễn Thị Ngọc	Như	1				8		Tám	
118	22220055	Nguyễn Lê Tâm	Thi	1				8	5	Tám rưỡi	
119	22280043	Lê Vĩnh	Khang					8	5	Tám rưỡi	
120	22280054	Đoàn Nhật	Nam					8	5	Tám rưỡi	
121	22280056	Lương Thanh	Nam					9		Chín	
122											
123											
124											
125											

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1).....Chữ ký: 2).....Chữ ký:	Họ, tên:Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



22232000805



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23

Giữa kỳ

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã học phần: **BAA00103**

Lớp: **21_2**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	1712267	Nguyễn Hoàng Thiên	Ân	1	<i>Th</i>	☐		7	5	bảy năm	
2	19130249	Nguyễn Tường Thế	Uy	2	<i>Uy</i>	☐		7	0	bảy không	
3	19150415	Nguyễn Minh	Nhật	1	<i>Minh</i>	☐		5	0	năm không	
4	20120534	Nguyễn Minh	Nghĩa	3	<i>Minh</i>	☐		8	5	tám năm	
5	20120548	Lương Thanh Hoàng	Phú	1	<i>Phu</i>	☐		7	5	bảy năm	
6	20180402	Bùi Văn	Trọng	1	<i>Bui</i>	☐		7	5	bảy năm	
7	21110082	Bùi Trung	Hiếu	1	<i>Bui</i>	☐		9	0	chín không	
8	21110114	Võ Anh	Khôi	2	<i>Vo</i>	☐		9	5	chín năm	
9	21110126	Ngô Đức	Minh			☒					
10	21120093	Trần Anh	Kiệt	2	<i>Tran</i>	☐		9	5	chín năm	
11	21120408	Đặng Tuấn	Anh	3	<i>Dang</i>	☐		9	5	chín năm	
12	21120423	Phạm Mạnh	Cường	2	<i>Pham</i>	☐		9	5	chín năm	
13	21120461	Đàm Hồng	Hưng	2	<i>Dam</i>	☐		9	5	chín năm	
14	21120477	Vương Huỳnh	Khải	3	<i>Vuong</i>	☐		9	5	chín năm	
15	21120506	Nguyễn Thị Kiều	Ngân	2	<i>Nguyen</i>	☐		9	5	chín năm	
16	21130188	Vũ Anh	Kiệt	1	<i>Vu</i>	☐		4	0	bốn không	
17	21140266	Phan Thị Thu	Thanh	2	<i>Phan</i>	☐		9	5	chín năm	
18	21140333	Nguyễn Nhật	Cường	2	<i>Nguyen</i>	☐		9	0	chín không	
19	21140334	Trịnh Mạnh	Cường	2	<i>Trinh</i>	☐		9	5	chín năm	
20	21140352	Nguyễn Võ Thu	Hiền	2	<i>Nguyen</i>	☐		9	5	chín năm	
21	21140353	Trần Thị Ngọc	Hiền	2	<i>Tran</i>	☐		9	5	chín năm	
22	21140375	Trần Giang Đức	Minh	2	<i>Tran</i>	☐		9	0	chín không	
23	21140389	Nguyễn Thị Trúc	Nhi	3	<i>Nguyen</i>	☐		9	5	chín năm	
24	21140405	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	2	<i>Nguyen</i>	☐		9	0	chín không	
25	21140444	Nguyễn Minh	Uyên	2	<i>Nguyen</i>	☐		9	5	chín năm	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: *Nguyễn Thị Bích Cáo*

1).....Chữ ký: *[Signature]*

2).....Chữ ký:

Họ, tên:

Nguyễn Thị Bích Cáo

Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000806

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã học phần: **BAA00103**

Lớp: **21_2**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21140455	Lâm Yến	Nhi	3				9	5	chín năm	
27	21150096	Đỗ Lê	Quang	3				5	0	năm không	
28	21150137	Bùi Hoàng	Anh	2				8	0	tám không	
29	21150139	Đào Duy Song	Anh	4				9	5	chín năm	
30	21150140	Lê Tuấn	Anh	2				9	5	chín năm	
31	21150143	Nguyễn Đỗ Tuấn	Anh								
32	21150153	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	2				8	0	tám không	
33	21150154	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	3				9	0	chín không	
34	21150156	Nguyễn Diệp	Băng	2				9	0	chín không	
35	21150157	Bùi Lê Gia	Bào	2				9	5	chín năm	
36	21150164	Phạm Tiến	Danh	3				8	5	tám năm	
37	21150166	Quách Hữu	Đạt	3				9	5	chín năm	
38	21150168	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	2				9	0	chín không	
39	21150172	Đinh Viết Từ	Đức	1				8	5	tám năm	
40	21150174	Đặng Thị Thùy	Dương	2				9	5	chín năm	
41	21150175	Hoàng Văn	Dương	2				9	0	chín không	
42	21150178	Nguyễn Ánh	Dương	2				8	0	tám không	
43	21150179	Nguyễn Phúc Hải	Dương	2				8	5	tám năm	
44	21150181	Nguyễn Công Khánh	Duy	2				9	5	chín năm	
45	21150193	Nguyễn Hoàng Ngọc	Hân	2				9	0	chín không	
46	21150196	Trần Thị Ngọc	Hân	2				8	0	tám không	
47	21150206	Trương Hà Khải	Hoàn	2				9	0	chín không	
48	21150209	Hồ Thụy Thiên	Hương	2				9	0	chín không	
49	21150219	Châu Hoàng Lê	Huyền	2				9	5	chín năm	
50	21150222	Đỗ Việt	Kha	3				9	5	chín năm	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: Nguyễn Thị Bích Căn

1) Chữ ký:

2) Chữ ký:

Họ, tên: Nguyễn Thị Bích Căn

Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000807

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**Mã học phần: **BAA00103**Lớp: **21_2**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
51	21150246	Huỳnh Phi	Long	2	Long			9	5	chín năm	
52	21150251	Nguyễn Quế	Minh	2	Minh			7	5	bảy năm	
53	21150255	Trần Hoàng	Minh	2				6	5	sáu năm	
54	21150264	Nguyễn Bảo	Ngân	2	Ba			8	0	tám không	
55	21150265	Nguyễn Huỳnh Thị Kim	Ngân	2	Ng			8	5	tám năm	
56	21150275	Nguyễn Minh	Nguyệt	2	Nguyệt			7	5	bảy năm	
57	21150277	Mai Thanh	Nhân	2	Thanh			9	5	chín năm	
58	21150280	Huỳnh Bảo Yến	Nhi	1				9	0	chín không	
59	21150281	La Đoàn Uyên	Nhi	1				9	0	chín không	
60	21150285	Nguyễn Dương Uyên	Nhi	2				8	5	tám năm	
61	21150289	Trần Dương Yến	Nhi	2	Yen			9	0	chín không	
62	21150290	Trịnh Thụy Tâm	Nhi	2				8	0	tám không	
63	21150298	Đỗ Nguyễn Hồng	Phát	2	Phat			9	5	chín năm	
64	21150299	Võ Nguyễn Tiến	Phát	2	Ph			9	0	chín không	
65	21150301	Trần Nguyễn Hoài	Phong	2	Phong			9	5	chín năm	
66	21150302	Đặng Minh	Phúc	2	Ph		1	0	0	mười	
67	21150304	Trần Nguyên	Phúc	2	Ph			8	5	tám năm	
68	21150305	Nguyễn Thị Kim	Phụng	2	Phung			9	5	chín năm	
69	21150306	Trần Thị Kim	Phước	2	Phu			9	5	chín năm	
70	21150307	Đỗ Thị Mai	Phương	2	Sad			9	5	chín năm	
71	21150308	Nguyễn Hồng	Phương	2	Thuong			9	5	chín năm	
72	21150309	Trương Mỹ	Phương	1	Ph			8	5	tám năm	
73	21150314	Nguyễn Lê	Quỳnh	1				9	0	chín không	
74	21150315	Lê Hồ Như	Quỳnh	2	Quynh			9	5	chín năm	
75	21150316	Lê Nguyễn Diễm	Quỳnh	2	Quynh			9	5	chín năm	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trường khoa, bộ môn

Họ, tên: Nguyễn Thị Bích Căn1).....Chữ ký: [Chữ ký]

2).....Chữ ký:

Họ, tên: Nguyễn Thị Bích CănChữ ký: [Chữ ký]

Họ, tên:

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000808

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã học phần: **BAA00103**

Lớp: **21_2**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
76	21150320	Trịnh Lê Như	Quỳnh	2		☒	8	5		tám năm	
77	21150322	Võ Hữu	Tài	2		☒	8	5		tám năm	
78	21150324	Đinh Ngọc Tri	Tâm	1		☒	9	0		chưa không	
79	21150328	Phạm Nguyễn Duy	Tân	2		☒	8	0		tám không	
80	21150333	Lưu Châu Ánh	Thắm	2		☒	9	0		chưa không	
81	21150340	Nguyễn Ngọc Hương	Thảo	1		☒	6	5		sáu năm	
82	21150341	Nguyễn Thanh	Thảo	1		☒	9	5		chín năm	
83	21150351	Võ Đào Anh	Thư	2		☒	8	0		tám không	
84	21150354	Nguyễn Hiếu	Thuận	1		☒	9	0		chưa không	
85	21150355	Trần Ngọc	Thuận	1		☒	9	0		chưa không	
86	21150356	Lê Bảo Hoài	Thương	2		☒	9	5		chín năm	
87	21150357	Nguyễn Thị Thu	Thùy	3		☒	9	5		chín năm	
88	21150358	Hồ Mỹ	Thy	2		☒	9	5		chín năm	
89	21150362	Đỗ Thị Ngọc	Trâm	2		☒	9	5		chín năm	
90	21150365	Nguyễn Hoàng Phương	Trang	2		☒	9	5		chín năm	
91	21150378	Ngô Thị Yến	Vi	2		☒	8	0		tám không	
92	21150381	Trần Vũ Quang	Vinh	1		☒	8	0		tám không	
93	21150382	Lương Thư	Vĩnh	2		☒	9	5		chín năm	
94	21150384	Hồ Thiện	Vương	2		☒	8	5		tám năm	
95	21150391	Phan Huỳnh Khánh	Vy	1		☒	9	5		chín năm	
96	21150392	Thiếu Ngọc	Vy	2		☒	8	5		tám năm	
97	21150393	Trần Ngọc Bích	Vy	2		☒	8	5		tám năm	
98	21150394	Trần Ngọc Khánh	Vy	1		☒	9	0		chưa không	
99	21170065	Võ Quang	Anh	2		☒	9	0		chưa không	
100	21180013	Vũ Thị Phương	Anh	1		☒	9	5		chín năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Nguyễn Thị Bích Căn</u> 1).....Chữ ký: 2).....Chữ ký:	Họ, tên: <u>Nguyễn Thị Bích Căn</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



22232000809

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã học phần: **BAA00103**

Lớp: **21_2**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
101	21180038	Trần Thu	Hằng	2	<i>Thu</i>	☐	6	5		sau năm	
102	21180069	Phạm Hoàng Duy	Ngân	2	<i>Phạm</i>	☐	9	5		chín năm	
103	21180104	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	3	<i>Thanh</i>	☐	9	0		chín không	
104	21180135	Trần Huyền	Trang	2	<i>Huyền</i>	☐	7	5		bảy năm	
105	21180163	Đặng Trần	Duy	2	<i>Đặng</i>	☐	9	5		chín năm	
106	21180170	Nguyễn Ngọc	Hậu	2	<i>Ngọc</i>	☐	9	0		chín không	
107	21180177	Đặng Phạm Hoàng	Huy	2	<i>Hoàng</i>	☐	9	0		chín không	
108	21180184	Lê Văn Minh	Khoa	2	<i>Minh</i>	☐	9	5		chín năm	
109	21180185	Nguyễn Đăng	Khôi	2	<i>Đăng</i>	☐	9	5		chín năm	
110	21180186	Trần Ngô Minh	Khuê			☒					
111	21180240	Phạm Quang	Vũ	2	<i>Phạm</i>	☐	9	5		chín năm	
112	21180257	Nguyễn Trương Minh	Ái	2	<i>Trương</i>	☐	9	0		chín không	
113	21180266	Lê Chiêu	Bảo	3	<i>Chiêu</i>	☐	8	5		tám năm	
114	21180273	Trương Tiến	Dũng	3	<i>Tiến</i>	☐	1	0		một	
115	21180287	Nguyễn	Hậu	2	<i>Nguyễn</i>	☐	9	0		chín không	
116	21180291	Nguyễn Quang	Hưng	2	<i>Quang</i>	☐	9	5		chín năm	
117	21180310	Nguyễn	Lời	2	<i>Nguyễn</i>	☐	9	5		chín năm	
118	21180346	Nguyễn Thương	Nhiệm	1	<i>Thương</i>	☐	9	0		chín không	
119	21180372	Lê Viết	Tính	03	<i>Viết</i>	☐	8	5		tám năm	
120	21180373	Trần Lê Phương	Trâm	2	<i>Phương</i>	☐	8	5		tám năm	
121	21180382	Võ Hoàng Thanh	Trúc	2	<i>Hoàng</i>	☐	9	0		chín không	
122	21180387	Phạm Thị Thanh	Tuyền	2	<i>Thị</i>	☐	9	5		chín năm	
123	21250040	Lê Ngọc	Tú			☒					
124						☐					
125						☐					

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: *Nguyễn Thị Bích Cấn*

1) *Bích Cấn* Chữ ký:

2) Chữ ký:

Họ, tên: *Nguyễn Thị Bích Cấn*

Chữ ký: *Bích Cấn*

Họ, tên:

Chữ ký:



22232000800



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**Mã học phần: **BAA00103**Lớp: **21_1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	19110440	Lâm Xương	Thăng			☐	0	0		không	
2	19180383	Đỗ Quốc	Thái			☐	8	5		Tám năm	
3	19190072	Lê Hoàng	Minh			☐	8	5		Tám năm	
4	20120166	Nguyễn Dương Tuấn	Phương			☐	9	0		chín không	
5	20120186	Lê Ân	Thạch			☐	8	5		Tám năm	
6	20120205	Lê Đông	Thức			☐	8	5		Tám năm	
7	20120221	Trần Trọng	Trí			☐	7	5		Bảy năm	
8	20120227	Tôn Cao Thiện	Trung			☐	9	0		chín không	
9	20120560	Cao Đình	Quý			☐	8	0		Tám không	
10	20130142	Nguyễn Chánh	Tù			☐	8	5		Tám năm	
11	20150159	Đỗ Thị Thu	Huyền			☐	8	5		Tám năm	
12	20180240	Đoàn Hữu Lâm	Hà			☐	8	0		Tám không	
13	21110237	Nguyễn Bảo Quốc	An			☐	8	5		Tám năm	
14	21110246	Lê Trần Gia	Bảo			☐	8	0		Tám không	
15	21110439	Vũ Anh	Tùng			☐	8	0		Tám không	
16	21120035	Nguyễn Hoài	An			☐	9	0		chín không	
17	21120037	Mã Thùy	Anh			☐	9	0		chín không	
18	21120046	Lê Phan Minh	Đạt			☐	9	0		chín không	
19	21120053	Lại Đức	Dũng			☐	8	5		Tám năm	
20	21120063	Hà Thanh	Hải			☐	8	0		Tám không	
21	21120064	Lê Quốc	Hân			☐	8	5		Tám năm	
22	21120076	Nguyễn Thanh	Huệ			☐	9	0		chín không	
23	21120090	Mai Trần Phú	Khương			☐	7	5		Bảy năm	
24	21120102	Nguyễn Trúc	Nguyên			☐	9	0		chín không	
25	21120110	Nguyễn Tấn	Phát			☐	9	0		chín không	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

Họ, tên:

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

Chữ ký:

Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000801

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**Mã học phần: **BAA00103**Lớp: **21_1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ă n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21120114	Nguyễn Trần Thiên	Phúc			☐		9	0	chín không	
27	21120115	Nguyễn Trọng	Phúc			☐		9	0	chín không	
28	21120117	Lê Thị Hồng	Phượng			☐		8	5	Tám năm	
29	21120145	Nguyễn Lê	Thương			☐		9	0	chín không	
30	21120203	Kha Liêm	Bào			☐		8	5	Tám năm	
31	21120247	Nguyễn Văn Quang	Hung			☐		8	0	Tám không	
32	21120257	Tôn Anh	Huy			☐		9	0	chín không	
33	21120285	Huỳnh	Long			☐		8	0	Tám không	
34	21120482	Thổ Anh	Khoa			☐		7	0	Bảy không	
35	21120517	Nguyễn Thúc Minh	Nhật			☐		8	5	Tám năm	
36	21120519	Lê Thanh	Phát			☐		9	0	chín không	
37	21120524	Trương Minh	Phát			☐		89	0	chín không	
38	21120528	Nguyễn Tuấn	Phong			☐		8	0	Tám không	
39	21120538	Lưu Vĩnh	Quang			☐		9	0	chín không	
40	21120542	Lâm Hoàng	Quốc			☐		9	5	chín năm	
41	21120555	Nguyễn Hữu	Thắng			☐		8	5	Tám năm	
42	21120583	Hoàng Thế	Trung			☐		8	0	Tám không	
43	21120600	Nguyễn Thị Như	Ý			☐		9	0	chín không	
44	21130151	Phạm Nam	Hải			☐		0	0	Không	
45	21140447	Lê Thị Thùy	Vân			☐		8	0	Tám không	
46	21150012	Lê Ngọc Nguyễn	Anh			☐		7	5	bảy năm	
47	21150031	Dư Nhất	Đoan			☐		9	0	chín không	
48	21150123	Nguyễn Cẩm	Tú			☐		9	0	chín không	
49	21150125	Nguyễn Ánh	Tuyết			☐		9	0	chín không	
50	21150135	Phạm Đình	An			☐		9	0	chín không	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

Họ, tên:

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

Chữ ký:

Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Chữ ký:

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



22232000802

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**Mã học phần: **BAA00103**Lớp: **21_1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	21150171	Phạm	Đình			☐	8	0		Tám không	
52	21150202	Nguyễn Thị Thu	Hiền			☐	7	5		bảy năm	
53	21150205	Trần Lưu Đức	Hiền			☐	8	5		Tám năm	
54	21150215	Huỳnh Quốc	Huy			☐	8	5		Tám năm	
55	21150223	Huỳnh Hoàng	Khang			☐	8	5		Tám năm	
56	21150226	Nguyễn Thị Kim	Khánh			☐	8	5		Tám năm	
57	21150244	Trương Thị Ngọc	Linh			☐	9	0		chín không	
58	21150245	Lâm Thiên	Lộc			☐	9	0		chín không	
59	21150296	Huỳnh Bùi Tuyết	Nhung			☐	8	0		Tám không	
60	21150343	Trịnh Thanh	Thảo			☐	9	0		chín không	
61	21180014	Võ Hoàng Gia	Bảo			☐	8	5		Tám năm	
62	21180015	Nguyễn Thị Thủy	Bình			☐	8	9	0	chín không Tám năm	
63	21180020	Nguyễn Thân	Đắc			☐	9	0		chín không	
64	21180027	Phạm Thị Mỹ	Duyên			☐	8	5		Tám năm	
65	21180028	Trần Thị Mỹ	Duyên			☐	8	5		Tám năm	
66	21180029	Lê Khả	Ghi			☐	9	0		chín không	
67	21180034	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hân			☐	9	0		chín không	
68	21180046	Nguyễn Khánh	Huy			☐	8	0		Tám không	
69	21180059	Nguyễn Lê Giang	Linh			☐	0	0		không	
70	21180093	Nguyễn Bích	Phương			☐	9	0		chín không	
71	21180113	Nguyễn Thị Thảo	Minh			☐	8	0		Tám không	
72	21180116	Dương Yến	Thư			☐	9	0		chín không	
73	21180123	Nguyễn Khánh	Thy			☐	9	0		chín không	
74	21180128	Phạm Trọng	Tinh			☐	8	5		Tám năm	
75	21180136	Nguyễn Phan Thúy	Triều			☐	9	0		chín không	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

Họ, tên:

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

Chữ ký:

Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000803

Tên học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mã học phần: BAA00103

Lớp: 21_1

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
76	21180143	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy			☐	9	0		chín không	
77	21180148	Nguyễn Hồng	Ngân			☐	8	5		tám năm	
78	21180150	Ngô Minh	Anh			☐	8	0		tám không	
79	21180164	Nguyễn Phúc Thiên	Duy			☐	9	0		chín không	
80	21180168	Tạ Trung	Hải			☐	9	0		chín không	
81	21180173	Lê Trung	Hiếu			☐	9	5		chín năm	
82	21180190	Nguyễn Khánh	Linh			☐	9	0		chín không	
83	21180192	Nguyễn Đức	Long			☐	8	0		tám không	
84	21180195	Trương Phúc Thoại	Ngân			☐	9	0		chín không	
85	21180199	Nguyễn Hoàng	Nhật			☐	8	5		tám năm	
86	21180203	Vũ Nguyễn Ngọc	Phan			☐	8	5		tám năm	
87	21180233	Đỗ Thị Minh	Tú			☐	8	0		tám không	
88	21180238	Võ Hoàng Phương	Uyên			☐	8	5		tám năm	
89	21180239	Trần Bạch	Vân			☐	9	0		chín không	
90	21180241	Lê Ngọc Yến	Vy			☐	9	0		chín không	
91	21180245	Huỳnh Nguyễn Song	Yên			☐	9	0		chín không	
92	21180249	Phan Trung	Hậu			☐	0	0		không	
93	21180253	Văng Phi	Trường			☐	9	0		chín không	
94	21180259	Nguyễn Thị Thúy	An			☐	9	0		chín không	
95	21180260	Nguyễn Trường	An			☐	9	0		chín không	
96	21180269	Nguyễn Anh	Đào			☐	8	5		tám năm	
97	21180271	Nguyễn Trần Tiến	Đạt			☐	9	0		chín không	
98	21180280	Vũ Lan	Hà			☐	8	0		tám không	
99	21180281	Nguyễn Đoàn Nhật	Hạ			☐	8	0		tám không	
100	21180282	Lý Tiến	Hải			☐	9	5		chín năm	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1).....Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Họ, tên: Đỗ Thị Nguyệt
Chữ ký:Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000804

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**Mã học phần: **BAA00103**Lớp: **21_1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
101	21180283	Phùng Minh	Hải			☐	9	5		chín năm	
102	21180285	Trần Thị Mỹ	Hạnh			☐	8	0		tám không	
103	21180304	Huỳnh Phạm Nhật	Lam			☐	8	5		tám năm	
104	21180308	Lê Thị Mỹ	Linh			☐	9	0		chín không	
105	21180319	Phan Hoàng Bảo	Minh			☐	9	0		chín không	
106	21180322	Trần Lê Trà	My			☐	9	0		chín không	
107	21180329	Nguyễn Thị Thu	Ngân			☐	9	0		chín không	
108	21180330	Phan Lê Thanh	Ngân			☐	9	0		chín không	
109	21180331	Huỳnh Lê Phương	Nghi			☐	9	0		chín không	
110	21180333	Dương Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc			☐	8	5		tám năm	
111	21180338	Võ Thảo	Nguyễn			☐	9	0		chín không	
112	21180352	Nguyễn Đặng Minh	Quân			☐	8	5		tám năm	
113	21180355	Lê Minh	Sang			☐	9	0		chín không	
114	21180358	Trương Thanh	Thanh			☐	8	0		tám không	
115	21180360	Lê Thị Phương	Thảo			☐	8	5		tám năm	
116	21180361	Võ Thiên	Thảo			☐	8	5		tám năm	
117	21180364	Vũ Trần Quang	Thịnh			☐	8	5		tám năm	
118	21180365	Trần Mỹ	Thơ			☐	8	5		tám năm	
119	21180371	Trần Thị	Thương			☐	9	0		chín không	
120	21180377	Lê Thị Bảo	Trang			☐	9	0		chín không	
121	21180383	Nguyễn Quang	Trung			☐	8	5		tám năm	
122	21180393	Nguyễn Ngọc Phương	Vy			☐	9	0		chín không	
123	21200282	Phạm Quang	Dũng			☐	8	5		tám năm	
124	21250012	Lê Thanh	Huy			☐	7	5		bảy năm	
125						☐					

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:



22232000810



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**Mã học phần: **BAA00103**Lớp: **21_3**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	1715310	Trần Gia	Thịnh			☐	8	5		Tám năm	
2	18150172	Nguyễn Thanh	Kim			☐	6	5		Sáu năm	
3	19120735	Nguyễn Đại	Nghĩa			☐	8	5		Tám năm	
4	20120002	Nguyễn Thái	Chung			☐	7	5		Bảy năm	
5	20120082	Nguyễn Thanh	Hiếu			☐	8	5		Tám năm	
6	20120366	Phạm Phú Hoàng	Son			☐	8	5		Tám năm	
7	21110277	Nguyễn Thái	Duy			☐	5	0		Năm không	
8	21110284	Hoàng Duy	Hà			☐	8	0		Tám không	
9	21110396	Phạm Nhật	Thanh			☐	9	0		chín không	
10	21120130	Mai Xuân	Thắng			☐	8	5		Tám năm	
11	21120198	Nguyễn Thị Lan	Anh			☐	8	5		Tám năm	
12	21120199	Trần Quốc	Anh			☐	8	5		Tám năm	
13	21120263	Tổng Nguyễn Minh	Khang			☐	8	5		Tám năm	
14	21120295	Nguyễn Hữu	Nghĩa			☐	8	5		Tám năm	
15	21120302	Huỳnh Trí	Nhân			☐	8	5		Tám năm	
16	21120313	Trần Nam	Phương			☐	7	0		Bảy không	
17	21120331	Nguyễn Anh	Thái			☐	8	5		Tám năm	
18	21120348	Nguyễn Trần	Trình			☐	8	5		Tám năm	
19	21120351	Nguyễn Thành	Trung			☐	8	5		Tám năm	
20	21120354	Lương Thanh	Tú			☐	8	5		Tám năm	
21	21120405	Trần Minh	Triết			☐	8	5		Tám năm	
22	21120433	Nguyễn Quang	Định			☐	8	0		Tám không	
23	21120435	Lê Phan Xuân	Dũng			☐	9	0		chín không	
24	21120437	Châu Thanh	Dương			☐	8	5		tám năm	
25	21120441	Dương Huỳnh Anh	Duy			☐	8	5		tám năm	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

Họ, tên:

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

Chữ ký: *Đỗ Thị Ngát*

Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Chữ ký: *Đỗ Thị Ngát*

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000811

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã học phần: **BAA00103**

Lớp: **21_3**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21120448	Tô Hữu	Hào					8	0	Tám không	
27	21120450	Trương Thế	Hiên					8	5	Tám năm	
28	21120460	Nguyễn Tấn	Hùng					8	5	Tám năm	
29	21120488	Nguyễn Đăng Bá	Kiệt					9	0	chín không	
30	21120493	Nguyễn Ngọc	Lan					9	5	chín năm	
31	21120495	Phạm Thị Mỹ	Lệ					8	5	tám năm	
32	21120497	Nguyễn Hữu	Lộc					8	5	tám năm	
33	21120550	Chu Văn	Tài					7	0	Bảy không	
34	21120552	Nguyễn Đức Nhật	Tân					8	5	tám năm	
35	21120560	Nguyễn Đức	Thiện					8	5	tám năm	
36	21120561	Bùi Đức	Thịnh					8	0	chín không	
37	21120567	Trịnh Minh	Thuận					9	0	chín không	
38	21120569	Phạm Đình	Tiến					8	5	tám năm	
39	21120570	Đặng Nguyễn Thanh	Tín					9	0	chín không	
40	21120596	Trần Đoàn Thanh	Vinh					8	5	tám năm	
41	21120597	Mai Huy	Vũ					8	5	tám năm	
42	21120608	Nguyễn Thiện Khánh	Đoan					8	5	tám năm	
43	21130150	Nguyễn Duy	Hải					8	0	tám không	
44	21140368	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Lan					9	0	chín không	
45	21140388	Bùi Phương	Nhi					8	5	tám năm	
46	21140409	Phan Duy	Thăng					8	0	tám không	
47	21140419	Bùi Anh	Thư					8	0	tám không	
48	21140428	Huỳnh Ngọc	Trâm					8	0	tám không	
49	21140442	Diệp Lê Khánh	Uyên					8	5	tám năm	
50	21140445	Triệu Hoàng	Uyên					8	5	tám năm	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:

Đỗ Thị Ngát



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000812

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**Mã học phần: **BAA00103**Lớp: **21_3**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	21150239	Hồ Nguyễn Yến	Lan			☐		8	0	tám không	
52	21150253	Phan Nhật	Minh			☐		8	5	tám năm	
53	21150375	Trần Ngọc Phương	Uyên			☐		8	5	tám năm	
54	21170072	Dương Khải	Đạt			☐		8	5	tám năm	
55	21170178	Nguyễn Thị Thúy	Trang			☐		0	0	không	
56	21180006	Nguyễn Hữu	An			☐		8	5	tám năm	
57	21180012	Trần Thị Kim	Anh			☐		9	0	chín không	
58	21180023	Trần Ngọc Kim	Dung			☐		7	5	bảy năm	
59	21180051	Nguyễn Phương	Khanh			☐		9	0	chín không	
60	21180067	Lê Thanh	Ngân			☐		8	5	tám năm	
61	21180071	Nguyễn Trương Lễ	Nghi			☐		8	5	tám năm	
62	21180084	Nguyễn Hoàng Minh	Nhi			☐		8	5	tám năm	
63	21180091	Lê Thịnh	Phú			☐		9	0	chín không	
64	21180100	Nguyễn Như	Quỳnh			☐		8	0	tám không	
65	21180107	Đặng Lương	Tấn			☐		8	5	tám năm	
66	21180110	Trần Quốc	Thắng			☐		9	0	chín không	
67	21180111	Phạm Huỳnh Phương	Thanh			☐		8	5	tám năm	
68	21180139	Cao Thanh	Trúc			☐		8	5	tám năm	
69	21180145	Nguyễn Trần Tường	Vy			☐		8	5	tám năm	
70	21180151	Phạm Lê Văn	Anh			☐		8	0	tám không	
71	21180162	Phạm Đặng Phương	Dung			☐		8	0	tám không	
72	21180197	Nguyễn Khắc	Ngữ			☐		8	5	tám năm	
73	21180206	Nguyễn Nhật	Quang			☐		8	5	tám năm	
74	21180219	Vũ Ngọc Anh	Thư			☐		8	5	tám năm	
75	21180228	Lê Minh	Triết			☐		8	5	tám năm	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

Họ, tên:

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

Chữ ký:

Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Đỗ Kim Ngân
RL



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000813

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**Mã học phần: **BAA00103**Lớp: **21_3**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
76	21180263	Huỳnh Nguyễn Bảo	Anh			☐	8	0		tám không	
77	21180264	Huỳnh Nhật	Anh			☐	8	5		tám năm	
78	21180276	Lê Nguyễn Tường	Duy			☐	8	0		tám không	
79	21180278	Huỳnh Thị Kim	Giang			☐	8	5		tám năm	
80	21180286	Lê Tự Hoàng	Hào			☐	8	5		tám năm	
81	21180288	Nguyễn Thị Thanh	Hiền			☐	8	5		tám năm	
82	21180289	Nguyễn Phan Ngọc	Hiếu			☐	8	5		tám năm	
83	21180290	Huỳnh Ngọc Khánh	Hiệu			☐	8	0		tám không	
84	21180292	Nguyễn Thảo	Hương			☐	8	0		tám không	
85	21180293	Lê Phát	Huy			☐	8	5		tám năm	
86	21180295	Huỳnh Thị Mai	Huyền			☐	8	0		tám không	
87	21180297	Phạm Trúc	Huỳnh			☐	8	5		tám năm	
88	21180298	Phan Nguyễn Quang	Khải			☐	8	5		tám năm	
89	21180300	Bùi Tiến	Khánh			☐	8	5		tám năm	
90	21180302	Lương Trung	Kiên			☐	8	5		tám năm	
91	21180305	Nguyễn Như	Lan			☐	8	5		tám năm	
92	21180306	Trịnh Ngọc Phương	Lan			☐	9	0		chín không	
93	21180307	Lê Thị Kim	Liên			☐	8	5		tám năm	
94	21180311	Bạch Thành	Long			☐	8	0		tám không	
95	21180313	Thân Thị Vân	Ly			☐	8	5		tám năm	
96	21180315	Dương Minh	Mẫn			☐	7	0		bảy không	
97	21180318	Phan Đặng Hồng	Minh			☐	9	0		chín không	
98	21180321	Phạm Hoàng Quỳnh	My			☐	8	0		Tám không	
99	21180327	Nguyễn Lâm Kim	Ngân			☐	8	0		Tám không	
100	21180328	Nguyễn Thị Kim	Ngân			☐	8	5		Tám năm	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000814

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã học phần: **BAA00103**

Lớp: **21_3**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
101	21180334	Phạm Mai Hoàng	Ngọc				8	5		tám năm	
102	21180335	Phan Kim Bảo	Ngọc				7	5		bảy năm	
103	21180336	Trần Tiểu	Ngọc				8	0		tám không	
104	21180340	Lương Ngọc	Nhi				8	0		tám không	
105	21180343	Nguyễn Thị Yên	Nhi				8	0		tám không	
106	21180344	Trần Huyền	Nhi				8	0		tám không	
107	21180345	Trịnh Hoàng Văn	Nhi				8	0		tám không	
108	21180348	Trịnh Thị Linh	Như				8	5		tám năm	
109	21180351	Nguyễn Hoàng Thảo	Phương				8	0		tám không	
110	21180353	Nguyễn Minh	Quý				8	5		tám năm	
111	21180354	Võ Phương	Quỳnh				8	0		tám không	
112	21180359	Đỗ Ngọc	Thảo				8	5		tám năm	
113	21180363	Nguyễn Quốc	Thịnh				8	0		tám không	
114	21180366	Trương Hoàng Vũ Tiểu	Thơ				8	5		tám năm	
115	21180368	Bùi Lê Minh	Thư				8	0		tám không	
116	21180369	Phạm Anh	Thư				8	0		tám không	
117	21180378	Phan Thị Huyền	Trang				0	0		không	
118	21180380	Đỗ Đình	Triết				8	5		tám năm	
119	21180381	Nguyễn Mai Thanh	Trúc				8	5		tám năm	
120	21180386	Huỳnh Thị Minh	Tú				8	0		tám không	
121	21180388	Trần Nguyễn Thanh	Tuyền				8	5		tám năm	
122	21180389	Đặng Ánh	Tuyết				8	5		tám năm	
123	21180394	Phạm Đỗ Hiền	Vy				8	0		tám không	
124											
125											

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

Họ, tên:

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

Chữ ký:

Chữ ký:

2).....Chữ ký:

12



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000842

Giữa kỳ

Tên học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mã học phần: BAA00103

Lớp: 22TTH1

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	20180407	Lê Thị Minh	Tú					8	5	Tám năm	
2	21150230	Phạm Đăng	Khoa					0	0	Không tính	
3	21180296	Võ Ngọc Bích	Huyền					8	5	Tám năm	
4	21180337	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên					9	0	Chín không	
5	21200074	Nguyễn Ngô Nhật	Duy					8	5	Tám năm	
6	22110001	Lê Thị	Trang					8	0	Tám không	
7	22110002	Lê Hoàng	An					8	0	Tám không	
8	22110003	Lê Phúc	An					8	0	Tám không	
9	22110004	Nguyễn Thy Mỹ	An					8	0	Tám không	
10	22110005	Phạm Thái Thiên	An					0	0	Không tính	
11	22110006	Phan Thanh Hoài	An					7	5	Bảy năm	
12	22110007	Trần Duy	An					8	5	Tám năm	
13	22110008	Trần Duy	An					8	0	Tám không	
14	22110009	Võ Trần Khánh	An					8	5	Tám năm	
15	22110010	Giang Lệ	Ân					8	5	Tám năm	
16	22110011	Nguyễn Huỳnh Thiên	Ân					7	5	Bảy năm	
17	22110012	Phan Bùi Hữu	Ân					8	0	Tám không	
18	22110013	Bùi Nguyễn Duy	Anh					9	5	Chín năm	
19	22110014	Đậu Quang	Anh					8	5	Tám năm	
20	22110015	Nguyễn Nhựt	Anh					8	5	Tám năm	
21	22110016	Nguyễn Thị Hồng	Anh					8	5	Tám năm	
22	22110017	Nguyễn Thị Vân	Anh					8	5	Tám năm	
23	22110020	Trần Trung	Bắc					8	0	Tám không	
24	22110021	Phạm Xuân	Bách					8	0	Tám không	
25	22110022	Hoàng Võ Trí	Bảo					8	0	Tám không	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

Họ, tên:

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

Chữ ký: Nguyễn Thị Bích Ngọc

Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Chữ ký: Long

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000843

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã học phần: **BAA00103**

Lớp: **22TTH1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	22110023	Lâm Gia	Bảo					8	5	Tám năm	
27	22110024	Nguyễn Ngọc	Bảo					8	5	Tám năm	
28	22110025	Nguyễn Quốc	Bảo								
29	22110027	Trần Đỗ Bình	Bình					8	0	Tám không	
30	22110028	Nguyễn Tất	Chiến					8	5	Tám năm	
31	22110029	Võ Văn	Chương					8	0	Tám không	
32	22110030	Nguyễn Đình Nhật	Cường					8	5	Tám năm	
33	22110031	Nguyễn Quốc	Cường					8	0	Tám không	
34	22110032	Phan Chí	Cường								
35	22110033	Lê Thị Hồng	Đang					8	0	Tám không	
36	22110034	Đỗ Công	Danh					8	0	Tám không	
37	22110035	Trần Quốc	Danh					8	5	Tám năm	
38	22110036	Ninh Nguyễn Tiến	Đạt					8	0	Tám không	
39	22110037	Phan Hoàng	Đạt					8	0	Tám không	
40	22110038	Trần Thành	Đạt					9	0	Chín không	
41	22110039	Trần Tiến	Đạt					8	5	Tám năm	
42	22110040	Dương Bùi Phương	Đình					8	0	Tám không	
43	22110041	Nguyễn Đăng Tuấn	Đức					8	5	Tám năm	
44	22110042	Nguyễn Đặng Đức	Dũng					9	5	Chín năm	
45	22110043	Phạm Hoàng	Dũng					8	0	Tám không	
46	22110044	Đỗ Thị Thùy	Dương					8	0	Tám không	
47	22110045	Khúc Nguyên	Dương					5	5	Năm năm	
48	22110046	Nguyễn Lê Khánh	Duy					8	5	Tám năm	
49	22110047	Tạ Quang	Duy					8	0	Tám không	
50	22110048	Nguyễn Tiến	Giáp					7	5	Bảy năm	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1).....Chữ ký:
2).....Chữ ký:

Họ, tên: Nguyễn Thị Bích Nga
Chữ ký: [Signature]

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000844

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã học phần: **BAA00103**

Lớp: **22TTH1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	22110049	Đỗ Tiền	Hải					9	0	Chín không	
52	22110050	Lê Ngọc	Hải					8	5	Tám năm	
53	22110051	Nguyễn Trương Hồng	Hải					7	5	Bảy năm	
54	22110052	Lâm Gia	Hân					8	0	Tám không	
55	22110053	Lâm Khả	Hân					8	0	Tám không	
56	22110054	Lê Nho	Hân					8	0	Tám không	
57	22110055	Bùi Minh	Hằng					8	5	Tám năm	
58	22110056	Bùi Ngọc Tuyết	Hằng								
59	22110057	Đỗ Chí	Hào								
60	22110058	Lý Trung	Hậu					8	0	Tám không	
61	22110059	Lê Phạm Hồng	Hiên					8	0	Tám không	
62	22110060	Vũ Xuân	Hiệp					8	5	Tám năm	
63	22110061	Lê Trọng	Hiếu					7	5	Bảy năm	
64	22110062	Nguyễn Thúy	Hoa					9	0	Chín không	
65	22110063	Hồ Quốc Nhân	Hòa					8	0	Tám không	
66	22110064	Nguyễn Quang	Hòa					8	0	Tám không	
67	22110065	Nguyễn Đặng Minh	Hoàng					8	0	Tám không	
68	22110066	Võ Thị Thu	Hồng					8	0	Tám không	
69	22110067	Nguyễn Thụy Bách	Hợp					8	0	Tám không	
70	22110068	Lê Kim	Hùng					7	5	Bảy năm	
71	22110069	Phạm Đồng	Hùng					7	5	Bảy năm	
72	22110070	Nguyễn Khương Minh	Hưng					8	0	Tám không	
73	22110071	Phạm Tuấn	Hưng								
74	22110072	Vũ Trần Thanh	Hương					8	0	Tám không	
75	22110073	Đoàn Nguyễn Minh	Huy					5	5	Năm năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1).....Chữ ký: 2).....Chữ ký:	Họ, tên: <i>Nguyễn Thị Bích Ngọc</i> Chữ ký: <i>Bng</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000845

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**Mã học phần: **BAA00103**Lớp: **22TTH1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
76	22110074	Lâm Quang	Huy			☐	8	5		Tám năm	
77	22110075	Lê Đăng Phan	Huy			☐	9	0		Chín không	
78	22110076	Phạm Xuân	Huyền			☐	8	5		Tám năm	
79	22110077	Ngô	Khải			☐	8	5		Tám năm	
80	22110079	Trần Ngọc Vy	Khanh			☐	8	5		Tám năm	
81	22110080	Trương Công	Khanh			☐	9	0		Chín không	
82	22110086	Nguyễn Phi	Khoa			☐	8	5		Tám năm	
83	22110087	Nhan Đình	Khoa			☐	8	5		Tám năm	
84	22110090	Tạ Minh	Khôi			☐	9	0		Chín không	
85	22110094	Trần Trung	Kiên			☐	9	0		Chín không	
86	22110101	Trần	Lâm			☐	8	5		Tám năm	
87	22110108	Nguyễn Thành	Long			☐	8	0		Tám không	
88	22110111	Trần Ngọc	Lưu			☐	8	0		Tám không	
89	22110116	Nguyễn Vũ Hoàng	Minh			☐	8	5		Tám năm	
90	22110133	Trần Lê Trung	Nghĩa			☐	8	0		Tám không	
91	22110142	Trần Long	Nhật			☐	9	0		Chín không	
92	22110144	Hoàng Yến	Nhi			☐	9	0		Chín không	
93	22110164	Bùi Thị Thiên	Phụng			☐	8	5		Tám năm	
94	22110173	Từ Minh	Quân			☐	9	0		Chín không	
95	22110195	Đào Xuân	Tân			☐	9	0		Chín không	
96	22110202	Lý Quang	Thắng			☐	9	0		Chín không	
97	22110222	Hoàng Lê Diệu	Thùy			☐	8	5		Tám năm	
98	22110228	Đào Trọng	Toàn			☐	9	0		Chín không	
99	22110229	Nguyễn Trọng	Toàn			☐	9	0		Chín không	
100	22110245	Lê Phú	Trường			☐	8	5		Tám năm	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000846

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**Mã học phần: **BAA00103**Lớp: **22TTH1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
101	22120121	Lê Viết	Hung					8	5	Tám năm	
102	22120135	Lê Quang	Huy					8	5	Tám năm	
103	22120147	Bùi Trần Quang	Khải					9	0	Chín không	
104	22120149	Nguyễn Phan Đức	Khải					8	5	Tám năm	
105	22120158	Nguyễn Văn	Khánh					9	0	Chín không	
106	22120169	Nguyễn Trung	Kiên					8	0	Tám không	
107	22120170	Nguyễn Trung	Kiên					8	0	Tám không	
108	22120203	Đỗ Tiến	Mạnh					8	5	Tám năm	
109	22120216	Bùi Tấn Thành	Nam					8	5	Tám năm	
110	22120231	Trần Trọng	Nghĩa					8	0	Tám không	
111	22150034	Trần Thị Ngọc	Hân					8	0	Tám không	
112	22150053	Trần Quang Duy	Khương					8	5	Tám năm	
113	22150054	Phan Tuấn	Kiệt					8	0	Tám không	
114	22150055	Võ Tuấn	Kiệt					9	5	Chín năm	
115	22150066	Nguyễn Hữu Hoài	Mạnh					8	0	Tám không	
116	22220014	Vũ Hồng	Giới					8	0	Tám không	
117	22220022	Nguyễn Hoàng	Khánh					8	0	Tám không	
118	22280040	Trần Gia	Huy					8	0	Tám không	
119	22280041	Trào An	Huy					8	0	Tám không	
120	22280042	Đình Xuân	Khang					8	0	Tám không	
121	22280063	Dương Thanh	Phong					8	5	Tám năm	
122	22280089	Huỳnh Hà Anh	Thư					8	0	Tám không	
123	22280105	Kiều Thị Ngọc	Vui					8	5	Tám năm	
124	22290029	Bùi Ngọc	Thơ					8	5	Tám năm	
125											

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trường khoa, bộ môn

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký: Nguyễn Thị Bích Ngọc

Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:



22232000815



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã học phần: **BAA00103**

Lớp: **21_4**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	1722068	Dương Thị Trúc	Linh	3				7	5	bảy năm	
2	19170055	Nguyễn Thanh Ánh	Linh								
3	19180140	Nguyễn Đông	Phúc					6	5	sáu năm	
4	20120054	Nguyễn Thành	Đạt	2				9	5	chín năm	
5	20120237	Hà Nguyễn Thảo	Vy	1				7	0	bảy không	
6	20120351	Phạm Hữu	Phúc	2				8	5	tám năm	
7	20120626	Phạm Khánh Hoàng	Việt	1				6	0	sáu không	
8	20120627	Hoàng	Vinh	1				6	5	sáu năm	
9	20140315	Phạm Thị Kim	Ngân	4				9	0	chín không	
10	20140345	Vũ Đức	Phúc	1				9	0	chín không	
11	20140410	Lê Ái	Trâm	3				9	0	chín không	
12	20150250	Huỳnh Thị Như	Quỳnh	3				9	0	chín không	
13	21110449	Lâm Thế	Vinh								
14	21120066	Tô Tấn	Hiệp	5				9	5	chín năm	
15	21120071	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	3				9	5	chín năm	
16	21120180	Nguyễn Bích	Khuê	3				9	5	chín năm	
17	21120237	Nguyễn Hà Hạnh	Giang	4				9	5	chín năm	
18	21120268	Nguyễn Việt	Khánh	2				8	5	tám năm	
19	21120299	Phan Cao	Nguyên	2				9	5	chín năm	
20	21120459	Phan Văn	Hoàng	2				8	5	tám năm	
21	21120556	Trần Kỳ	Thanh	2				8	0	tám không	
22	21120614	Lê Hồ Thanh	Tùng	5				9	0	chín không	
23	21140387	Trần Đông Trung	Nhân	4				8	5	tám năm	
24	21140394	Lê Hoàng	Oanh	2				8	0	tám không	
25	21150014	Nguyễn Ngọc	Anh	3				9	5	chín năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2).....Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000816

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã học phần: **BAA00103**

Lớp: **21_4**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21150017	Phạm Dương Đức	Anh	2	<i>Mr</i>	☐		9	0	chín không	
27	21150070	Đinh Thùy Khánh	Mai	1	<i>Ums</i>	☐		9	5	chín năm	
28	21150076	Dương Kim	Ngân	2	<i>lyn</i>	☐		9	5	chín năm	
29	21150088	Nguyễn Thái Tường	Nhi	2	<i>lu</i>	☐		8	5	tám năm	
30	21150138	Đặng Trần Quế	Anh	3	<i>Ga</i>	☐		9	5	chín năm	
31	21150148	Nguyễn Thị Mai	Anh	2	<i>Ans</i>	☐		9	5	chín năm	
32	21150152	Vũ Thị Vân	Anh	1	<i>EnA</i>	☐		8	5	tám năm	
33	21150167	Trương Quang	Đạt	2	<i>De</i>	☐		8	5	tám năm	
34	21150180	Mai Lương Đức	Duy	2	<i>Ph</i>	☐		9	5	chín năm	
35	21150184	Nguyễn Hương	Giang	2	<i>giang</i>	☐		9	0	chín không	
36	21150187	Vũ Thị Xuân	Hà	2	<i>Phu</i>	☐		8	0	tám không	
37	21150211	Huỳnh Ngọc Thiên	Hương	2	<i>Ph</i>	☐		9	0	chín không	
38	21150216	Lưu Gia	Huy	1	<i>Thuy</i>	☐		9	0	chín không	
39	21150227	Đặng Lê Đăng	Khoa	2	<i>Khoa</i>	☐		9	0	chín không	
40	21150228	Lê Nguyễn Tuấn	Khoa	2	<i>choa</i>	☐		9	0	chín không	
41	21150234	Phạm Minh	Khương	2	<i>Khuong</i>	☐		9	5	chín năm	
42	21150235	Huỳnh Lê Anh	Kiệt	3	<i>SE</i>	☐		8	0	tám không	
43	21150236	Vũ Gia	Kiệt	2	<i>Kiệt</i>	☐		8	5	tám năm	
44	21150241	Nguyễn Phan Thùy	Linh	2	<i>Ph</i>	☐		8	5	tám năm	
45	21150242	Nguyễn Thùy	Linh	2	<i>Thuy</i>	☐		9	0	chín không	
46	21150258	Nguyễn Thị Trà	My			☐		8	5	tám năm	
47	21150259	Đỗ Kim	Mỹ	2	<i>Kim</i>	☐		9	0	chín không	
48	21150260	Dương Hải	Nam			☒					
49	21150262	Lê Thảo	Ngân	1	<i>thangon</i>	☐		9	0	chín không	
50	21150263	Lê Thị Kim	Ngân	2	<i>Ngay</i>	☐		9	5	chín năm	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) *Nguyễn Thị Bích Căn* Chữ ký: *R*
2) Chữ ký:

Họ, tên:
Nguyễn Thị Bích Căn Chữ ký: *R*

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000817

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**Mã học phần: **BAA00103**Lớp: **21_4**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	21150267	Phạm Võ Khánh	Ngân	1	<i>[Signature]</i>	☐		9	0	chín không	
52	21150269	Võ Thị	Ngân	2	<i>[Signature]</i>	☐		9	0	chín không	
53	21150276	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	2	<i>[Signature]</i>	☐		9	5	chín năm	
54	21150282	Lê Ngọc Lan	Nhi	3	<i>[Signature]</i>	☐	1	0	0	mười	
55	21150297	Nguyễn Phạm Yến	Oanh	2	<i>[Signature]</i>	☐		9	0	chín không	
56	21150312	Nguyễn Thị Kim	Phượng	2	<i>[Signature]</i>	☐	1	0	0	mười	
57	21150327	Chu Văn	Tân	1	<i>[Signature]</i>	☐		9	0	chín không	
58	21150332	Lê Hoàng	Thái	1	<i>[Signature]</i>	☐		8	0	tám không	
59	21150346	Lê Anh	Thơ	1	<i>[Signature]</i>	☐		9	0	chín không	
60	21150349	Phạm Minh	Thư	2	<i>[Signature]</i>	☐		8	5	tám năm	
61	21150350	Trần Đặng Anh	Thư	2	<i>[Signature]</i>	☐		9	0	chín không	
62	21150361	Võ Ngọc	Toàn	2	<i>[Signature]</i>	☐		8	0	tám không	
63	21150372	Nguyễn Thị Kim Bích	Tuyền	1	<i>[Signature]</i>	☐		8	5	tám năm	
64	21160025	Đặng Vĩnh	Khang	2	<i>[Signature]</i>	☐		9	0	chín không	
65	21180057	Huỳnh Ngọc	Linh	3	<i>[Signature]</i>	☐		9	5	chín năm	
66	21180065	Hồ Thị Phương	Nga	2	<i>[Signature]</i>	☐		9	0	chín không	
67	21180077	Lê Hưng Thiện	Nhân	3	<i>[Signature]</i>	☐		8	5	tám năm	
68	21180096	Nguyễn Ngọc Phương	Thúy	3	<i>[Signature]</i>	☐		8	5	tám năm	
69	21180248	Lê Quang	Dũng	1	<i>[Signature]</i>	☐		9	5	chín năm	
70	21180258	Huỳnh Quốc	An	2	<i>[Signature]</i>	☐		9	5	chín năm	
71	21180267	Lê Thành	Công	3	<i>[Signature]</i>	☐		9	0	chín không	
72	21180279	Võ Trường	Giang	3	<i>[Signature]</i>	☐		9	5	chín năm	
73	21180294	Trần	Huy	3	<i>[Signature]</i>	☐		8	5	tám năm	
74	21180301	Trịnh Gia	Khánh	2	<i>[Signature]</i>	☐		9	5	chín năm	
75	21180357	Nguyễn Trần Tuấn	Thanh	3	<i>[Signature]</i>	☐		9	0	chín không	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) *Nguyễn Thị Bích Căn* Chữ ký: *[Signature]*
2) Chữ ký:

Họ, tên:
Nguyễn Thị Bích Căn
Chữ ký: *[Signature]*

Họ, tên:
.....
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



22232000818

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã học phần: **BAA00103**

Lớp: **21_4**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phân		
76	21180362	Bùi Quang	Thiên	3	<i>[Signature]</i>	☐		9	5	chín năm	
77	21180375	Nguyễn Dương Thiều	Trân	1	<i>[Signature]</i>	☐		8	5	tám năm	
78	21180376	Hùng Thị Huyền	Trang	3	<i>[Signature]</i>	☐		9	5	chín năm	
79	21180392	Lê Thuý	Vy	1	<i>[Signature]</i>	☐		8	5	tám năm	
80	21190008	Nguyễn Việt	Dũng	1	<i>[Signature]</i>	☐		7	0	bảy không	
81	21190070	Nguyễn Đức	Hiếu			☒					<i>[Signature]</i>
82	21200167	Nguyễn Minh	Phát	1	<i>[Signature]</i>	☐		7	0	bảy không	
83	21200184	Nguyễn Triệu Nam	Phương	3	<i>[Signature]</i>	☐		9	5	chín năm	
84	21200278	Nguyễn Tiến	Đạt	1	<i>[Signature]</i>	☐		7	5	bảy năm	
85	21200301	Phạm Ngọc	Khôi	2	<i>[Signature]</i>	☐		7	0	bảy không	
86	21210003	Nguyễn Gia	Hân			☒					
87	21260081	Lý Nguyễn Minh	Phúc			☒					
88	21270010	Đoàn	Luận	1	<i>[Signature]</i>	☐		9	0	chín không	
89	21270011	Phạm Hoàng	Phúc	2	<i>[Signature]</i>	☐		8	0	tám không	
90						☐					
91						☐					
92						☐					
93						☐					
94						☐					
95						☐					
96						☐					
97						☐					
98						☐					
99						☐					
100						☐					

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trường khoa, bộ môn

Họ, tên: *Nguyễn Thị Bích Liên*
1) *[Signature]* Chữ ký:
2) Chữ ký:

Họ, tên: *Nguyễn Thị Bích Liên*
Chữ ký: *[Signature]*

Họ, tên:
Chữ ký:



222232000837



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**Mã học phần: **BAA00103**Lớp: **22DTV2**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	21110100	Trần Đăng	Huy					8	5	Tám năm	
2	21120112	Bùi Kim	Phúc					4	0	Bốn không	
3	21120254	Lưu Chấn	Huy					8	0	Tám không	
4	21120410	Nguyễn Tuấn	Anh					8	0	Tám không	
5	21130116	Quách Thị Thái	Bình					8	5	Tám năm	
6	21130232	Nguyễn Ngọc	Phú					8	5	Tám năm	
7	21150067	Đặng Tiểu	Long					8	0	Tám không	
8	21150186	Ngô Thị Thanh	Hà					8	0	Tám không	
9	21150188	Đặng Gia	Hân					8	0	Tám không	
10	21150248	Võ Thanh	Mai					7	5	Bảy năm	
11	21150256	Trần Ngọc Phương	Minh					8	0	Tám không	
12	21150257	Nguyễn Thị Kiều	My					7	5	Bảy năm	
13	21150303	Đỗ Huỳnh Thiên	Phúc					8	0	Tám không	
14	21180270	Nguyễn Huỳnh Quốc	Đạt					8	0	Tám không	
15	21180272	Trần Văn	Đô					8	0	Tám không	
16	22120071	Phan Bá	Đức					8	0	Tám không	
17	22120083	Nguyễn Trần	Gia					8	0	Tám không	
18	22120368	Phan Thanh	Tiến					8	5	Tám năm	
19	22120370	Nguyễn Bùi Vương	Tiến					8	0	Tám không	
20	22120371	Lý Trọng	Tín					8	5	Tám năm	
21	22120375	Lưu Thái	Toàn					8	5	Tám năm	
22	22120384	Nguyễn Đình	Trí					8	0	Tám không	
23	22130100	Nguyễn Minh	Mẫn					8	0	Tám không	
24	22130113	Võ Lê Phương	Nghi					7	5	Bảy năm	
25	22170006	Nguyễn Lê Phương	Anh					7	5	Bảy năm	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

Họ, tên:

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

Chữ ký:

Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Chữ ký:

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000838

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã học phần: **BAA00103**

Lớp: **22DTV2**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
26	22170019	Nguyễn Ngọc Gia	Hân					7	5	Bảy năm	
27	22170022	Bùi Chí	Hiếu					8	0	Tám không	
28	22170048	Phùng Kim	Oanh					8	5	Tám năm	
29	22170057	Nguyễn Thành	Tài					8	0	Tám không	
30	22170058	Võ Hồng	Thắm					8	5	Tám năm	
31	22180091	Nguyễn Tôn	Lễ					8	5	Tám năm	
32	22180096	Phan Thị Diệu	Linh					8	0	Tám không	
33	22180136	Đặng Mai	Như					7	5	Bảy năm	
34	22180139	Trần Đức Thanh	Nhuệ					8	0	Tám không	
35	22200099	Nguyễn Phi	Long					7	5	Bảy năm	
36	22200100	Mai Thanh	Lý					8	0	Tám không	
37	22200101	Đào Trúc	Mai					9	0	Chín không	
38	22200102	Lê Nhật	Minh					8	0	Tám không	
39	22200104	Võ Ngô Anh	Minh					8	5	Tám năm	
40	22200105	Bùi Khánh Phương	Nam					8	0	Tám không	
41	22200106	Đặng Xuân	Nam					8	5	Tám năm	
42	22200107	Phạm Thị Ánh	Ngân					8	5	Tám năm	
43	22200108	Mai Hữu	Ngân					7	5	Bảy năm	
44	22200110	Nguyễn Tấn	Nhạc					8	0	Tám không	
45	22200111	Đặng Hoài	Nhân					8	5	Tám năm	
46	22200112	Giang Trọng	Nhân					8	0	Tám không	
47	22200113	Nguyễn Thiện	Nhân					7	5	Bảy năm	
48	22200114	Võ Thành	Nhân					9	0	Chín không	
49	22200115	Đỗ Minh	Nhật					8	5	Tám năm	
50	22200116	Võ Huỳnh Minh	Nhật					8	5	Tám năm	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Họ, tên: *Nguyễn Thị Bích Nga*

Chữ ký: *[Signature]*

Họ, tên:

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232000839

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã học phần: **BAA00103**

Lớp: **22DTV2**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	22200117	Lê Thị Phương	Nhi					8	0	Tám không	
52	22200118	Nguyễn Uyên	Nhi					8	0	Tám không	
53	22200119	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như					8	0	Tám không	
54	22200120	Trần Thế	Pháp					8	5	Tám năm	
55	22200121	Mai Tiến	Phát					7	5	Bảy năm	
56	22200122	Phạm Thành	Phát					8	0	Tám không	
57	22200125	Hoàng Hồng	Phúc					5	0	Năm không	
58	22200126	Mai Xuân	Phúc					8	0	Tám không	
59	22200127	Nguyễn Trần Hoàng	Phúc					8	0	Tám không	
60	22200128	Nguyễn Minh	Phước					7	5	Bảy năm	
61	22200129	Nguyễn Hoàng Khánh	Phuong					8	5	Tám năm	
62	22200130	Huỳnh Nguyên	Quân					7	5	Bảy năm	
63	22200131	Lâm Minh	Quân					8	0	Tám không	
64	22200132	Lê Hùng Tiến	Quốc					8	0	Tám không	
65	22200133	Võ Đình	Quốc					7	5	Bảy năm	
66	22200134	Nguyễn Mạnh	Quỳnh					7	5	Bảy năm	
67	22200135	Phạm Phương	Quỳnh					8	5	Tám năm	
68	22200136	Nguyễn Tấn	Rạng					8	0	Tám không	
69	22200137	Phạm Khắc	Sáng					8	0	Tám không	
70	22200138	Ngô Hoàng	Sơn					8	5	Tám năm	
71	22200139	Hà Tuấn	Tài					8	0	Tám không	
72	22200140	Lê Đăng	Tâm					8	0	Tám không	
73	22200141	Đoàn Lê Duy	Tân					7	5	Bảy năm	
74	22200142	Nguyễn Phúc	Tấn					7	5	Bảy năm	
75	22200143	Dương Quốc	Thắng					7	5	Bảy năm	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000840

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã học phần: **BAA00103**

Lớp: **22DTV2**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
76	22200144	Lê Tiến	Thắng				7	5		Bảy năm	
77	22200145	Nguyễn Vũ Nhật	Thành				8	0		Tám không	
78	22200147	Trần Vũ	Thiện				8	0		Tám không	
79	22200148	Đặng Bảo	Thịnh				8	5		Tám năm	
80	22200149	Nguyễn Đức	Thịnh				7	5		Bảy năm	
81	22200150	Nguyễn Hưng	Thịnh				7	5		Bảy năm	
82	22200151	Nguyễn Hưng	Thịnh				8	0		Tám không	
83	22200153	Trần Cao Phước	Thịnh				7	5		Bảy năm	
84	22200154	Trần Phước	Thịnh				5	5		Năm năm	
85	22200155	Nguyễn Huyền	Thoại				9	0		Chín không	
86	22200156	Trần	Thông				8	0		Tám không	
87	22200158	Nguyễn Đức	Thuận				8	5		Tám năm	
88	22200159	Nguyễn Huyền	Thương				8	0		Tám không	
89	22200160	Nguyễn Thuý	Tiên				8	5		Tám năm	
90	22200161	Nguyễn Tam	Tiến				8	0		Tám không	
91	22200162	Võ Thành	Tiến				8	5		Tám năm	
92	22200163	Phạm Văn	Tín				8	5		Tám năm	
93	22200164	Phạm Ngọc	Trâm				9	0		Chín không	
94	22200165	Đinh Nguyễn Hữu	Trí				7	5		Bảy năm	
95	22200166	Hứa Cao	Trí				8	0		Tám không	
96	22200168	Phan Thị Phương	Trúc				8	0		Tám không	
97	22200169	Bùi Đức	Trung				8	0		Tám không	
98	22200170	Đỗ Phan Đức	Trung				8	0		Tám không	
99	22200171	Nguyễn Quốc	Trung				9	0		Chín không	
100	22200172	Nguyễn Quốc	Trường				9	0		Chín không	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:

Nguyễn Thị Bích Ngọc
Bngl



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232000841

Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã học phần: **BAA00103**

Lớp: **22DTV2**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
101	22200173	Nguyễn Văn	Trường				8	0		Tám không	
102	22200174	Hồ Thái	Tú				7	5		Bảy năm	
103	22200175	Nguyễn Châu Anh	Tú				8	0		Tám không	
104	22200176	Đinh Lâm Quang	Tuấn				8	0		Tám không	
105	22200177	Nguyễn Ngọc Duy	Tuấn				8	0		Tám không	
106	22200178	Phạm Anh	Tuấn				8	0		Tám không	
107	22200179	Phạm Văn	Tuấn				8	0		Tám không	
108	22200180	Phạm Thanh	Tùng				8	0		Tám không	
109	22200181	Phạm Phú	Tường				7	5		Bảy năm	
110	22200182	Trần Hoa	Viên				8	0		Tám không	
111	22200183	Nguyễn Quốc	Việt				8	5		Tám năm	
112	22200184	Đặng Thế	Vinh				7	5		Bảy năm	
113	22200185	Lương Quang	Vinh				8	0		Tám không	
114	22200186	Nguyễn Thế	Vỹ				8	5		Tám năm	
115	22200187	Nguyễn Như	Ý				5				
116	22200188	Đoàn Lê Thanh	Toàn				8	0		Tám không	
117	22280004	Trương Bình	Ba				8	5		Tám năm	
118	22280010	Võ Thành	Đạt				8	5		Tám năm	
119	22280012	Nguyễn Xuân Việt	Đức				8	0		Tám không	
120	22280018	Chiêm Huỳnh	Giao				8	5		Tám năm	
121	22280020	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân				8	0		Tám không	
122	22280027	Lê Đức	Hòa				8	0		Tám không	
123	22280075	Huỳnh Thảo	Quỳnh				8	0		Tám không	
124	22290022	Phạm Thị	Nhị				8	5		Tám năm	
125											

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

Họ, tên: Nguyễn Thị Bích Ngọc

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

Chữ ký:

Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Chữ ký:

Chữ ký: